

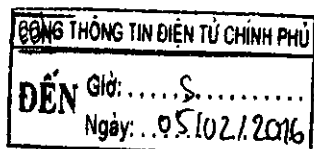
TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 215 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Phương án cổ phần hóa
Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, với những nội dung chính sau đây:

1. Tên gọi, trụ sở chính:

a) Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

- Tên giao dịch: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Tên tiếng Anh: Viet Nam Forestry Corporation – Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Vinafor.

b) Trụ sở chính:

- Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 04.36410799 Fax: 04.36410800

- Website: www.vinafor.com.vn

- Logo:



2. Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần:

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp; được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần kế thừa các ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức cổ phần hóa:

Bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và kết hợp phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

5. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành:

a) Vốn điều lệ: 3.500.000.000.000 đồng (Ba nghìn năm trăm tỷ đồng) tương ứng 350.000.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

b) Cơ cấu vốn điều lệ:

- Cổ phần nhà nước: 178.500.000 cổ phần, chiếm 51,00% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 24.342.700 cổ phần, chiếm 6,955% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động thường xuyên, người nhận khoán trong doanh nghiệp: 6.997.300 cổ phần, chiếm 2,00% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp: 160.000 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán cho nhà đầu chiến lược: 140.000.000 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ.

6. Lựa chọn và bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

a) Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

7. Thời gian và phương thức tổ chức bán đấu giá cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán:

- Thời gian bán cổ phần: Trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày Phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

- Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và chịu trách nhiệm về mức giá khởi điểm bán đấu giá, chỉ đạo Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức, triển khai bán cổ phần ra công chúng.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần chỉ đạo thực hiện việc đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.

8. Phương án sắp xếp lao động:

- Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 1.076 người.

- Tổng số lao động chuyển sang Công ty cổ phần là: 771 người.

- Tổng số lao động không chuyển sang công ty cổ phần là: 305 người.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam rà soát phương án sắp xếp lao động, xác định số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, phương án chia số dư các quỹ trên (nếu có) theo quy định và thực hiện chế độ đối với người lao động không chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần theo đúng chế độ nhà nước quy định. Nguồn kinh phí chi trả cho người lao động không chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần thực hiện theo quy định hiện hành, trường hợp quỹ hỗ trợ mất việc làm của doanh nghiệp thiếu thì sử dụng từ nguồn thu bán vốn nhà nước.

9. Chi phí cổ phần hóa, đo đạc rà soát đất đai:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định dự toán và phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa; Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm về các chi phí thực tế, cần thiết để thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty theo quy định hiện hành.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nơi có đất Tổng công ty đang sử dụng, thực hiện rà soát, đo đạc, cắm mốc, xác định ranh giới, hoàn thành thủ tục thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị thuê đất theo quy định.

Kinh phí thực hiện đo đạc, rà soát, cắm mốc, xác định ranh giới, hoàn thành thủ tục thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được trừ vào nguồn thu từ bán vốn nhà nước theo quy định tại Khoản 3, Điều 19, Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

10. Quản lý, sử dụng số tiền thu từ cổ phần hóa:

Tiền thu được từ bán cổ phần sau khi giảm trừ các khoản theo quy định, phần còn lại Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam có trách nhiệm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

11. Về đất đai:

a) Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất theo phương án sản xuất kinh doanh tại 12 tỉnh, thành phố là: 43.449,56 ha, bao gồm:

- Đất nông nghiệp: 43.400,7 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 48,795 ha.

b) Diện tích chuyển giao về địa phương quản lý là: 48.933,9 ha.

c) Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất.

12. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quyết định các nội dung quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 1 Quyết định này.

b) Chỉ đạo Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam công bố thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa, tiếp tục xử lý những tồn tại về tài chính liên quan đến giá trị doanh nghiệp, đất đai, lao động và thực hiện các công việc cần thiết để chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam thành Công ty cổ phần.

c) Cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

2. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam cho đến khi bàn giao toàn bộ: Tài sản, tiền vốn, lao động, đất đai cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đang sử dụng:

- Rà soát, xác định nhu cầu sử dụng đất phù hợp với nhiệm vụ, phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sau sắp xếp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương; đo đạc, xác định ranh giới, ký hợp đồng thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ đạo đơn vị thuê đất phải sử dụng đất đúng mục đích, khi thay đổi mục đích sử dụng đất phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch được duyệt của tỉnh và quy định của pháp luật.

- Tiếp nhận và xây dựng phương án quản lý đất đối với diện tích đất Tổng công ty không có nhu cầu sử dụng bàn giao lại; xử lý dứt điểm các trường hợp tranh chấp, lấn chiếm, sử dụng đất không đúng quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và các quy định của pháp luật về đất đai.

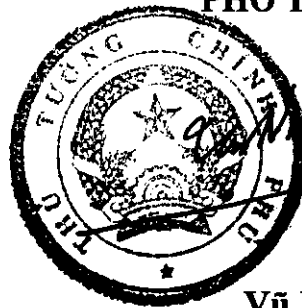
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và Hội đồng thành viên Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KTN, V.III, TKBT, HC;
- Lưu: VT, ĐMDN (3b) 46

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Văn Ninh